

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2009

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		823.294.781.605	325.884.368.598
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(165.312.290.348)	(114.213.932.436)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(24.072.512.437)	(13.076.322.599)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(5.355.449.998)	(72.492.402)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(10.026.962.698)	(65.823.507.101)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.682.946.930.866	574.057.583.760
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7		(1.921.205.104.111)	(830.140.592.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		380.269.392.879	(123.384.894.822)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(245.849.893)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		15.000.000	14.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.778.927.917	23.974.958.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		175.548.078.024	23.988.958.549
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		0	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32		0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		47.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(342.468.553.000)	(1.569.778.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(295.468.553.000)	(1.569.778.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		260.348.917.903	(100.965.714.273)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.185.145.518	121.702.802.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		269.534.063.421	20.737.088.626

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Vũ Kim Long



Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

VI VIỆT DUNG